Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-30 08:06:17 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 392/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung các Nghị định có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh, trật tự

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2016/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2016 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2023/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2026/NĐ-CP (SAU ĐÂY GỌI LÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2016/NĐ-CP)

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

"Điều 3. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và phạm vi quản lý

1. Sản xuất con dấu, gồm: Sản xuất con dấu có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, con dấu có hình biểu tượng, con dấu không có hình biểu tượng theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

2. Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa), gồm: Chế tạo, sản xuất, sửa chữa, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán công cụ hỗ trợ, đạn sử dụng cho công cụ hỗ trợ và phụ kiện của công cụ hỗ trợ.

3. Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ, gồm: Chế tạo, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán các loại pháo hoa, các loại pháo khác và thuốc pháo theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng pháo.

4. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố.

5. Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, gồm: Sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tẩm quất phục vụ sức khỏe con người.

Hoạt động xoa bóp thuộc cơ sở y tế phục vụ chữa bệnh và cơ sở giải quyết việc làm cho người khuyết tật không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

6. Kinh doanh dịch vụ bảo vệ, gồm: Dịch vụ bảo vệ con người, tài sản, mục tiêu và các hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hoạt động bảo vệ các đối tượng, mục tiêu thuộc Danh mục Nhà nước quy định do Công an nhân dân, Quân đội nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác, bảo vệ và hoạt động bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 290/2026/NĐ-CP thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

7. Kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược), gồm:

a) Các trò chơi có thưởng trên máy trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

b) Các loại hình vui chơi có thưởng trong kinh doanh casino;

c) Các loại hình dịch vụ đặt cược.

8. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, tái chế, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

9. Kinh doanh tiền chất thuốc nổ, gồm: Sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy Amoni nitrat hàm lượng cao từ 98,5% trở lên (sau đây gọi là tiền chất thuốc nổ).

10. Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, gồm: Các hoạt động có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thi công công trình, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí.

11. Kinh doanh dịch vụ nổ mìn, gồm: Các hoạt động cung ứng dịch vụ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công công trình, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu hợp pháp.

12. Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì không chứa nhãn hàng hóa, gồm: Chế bản in, in, gia công sau in (trừ cơ sở in lưới, photocopy) để tạo ra các sản phẩm sau đây:

a) Xuất bản phẩm (trừ sách chữ nổi, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách, minh họa thay sách);

b) Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí;

c) Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ có tính pháp lý do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ban hành;

d) Tem chống giả;

đ) Bao bì, tem, nhãn sản phẩm hàng hóa là dược phẩm, hóa dược, thuốc chữa bệnh và thực phẩm chức năng (trừ cơ sở sản xuất dược phẩm, hóa dược, thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng tự in bao bì, tem, nhãn cho sản phẩm của mình);

e) Hóa đơn tài chính; giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá.

13. Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường:

a) Kinh doanh dịch vụ karaoke, gồm: Các hoạt động ca hát theo đĩa ghi nhạc và hình hoặc bằng các công nghệ ghi nhạc và hình khác;

b) Kinh doanh dịch vụ vũ trường, gồm: Hoạt động khiêu vũ tại cơ sở kinh doanh khiêu vũ theo quy định của pháp luật.

Hoạt động dạy khiêu vũ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

14. Kinh doanh dịch vụ lưu trú, gồm: Các cơ sở lưu trú theo quy định của Luật Du lịch và các hình thức dịch vụ cho thuê lưu trú khác (nghỉ theo giờ và nghỉ qua đêm) hoạt động trên đất liền hoặc trên các phương tiện tàu thủy lưu trú du lịch.

Tổ chức, cá nhân có nhà cho người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuê (có hợp đồng thuê nhà) để ở, học tập, làm việc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

15. Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng cho Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng, gồm:

a) Sản xuất, mua, bán: Quần, áo, mũ quân phục; quân hiệu, công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân;

b) Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, vận chuyển, sửa chữa:

Súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh; phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; thiết bị đo nồng độ cồn trong máu; thiết bị đo, thử chất ma túy; thiết bị phân tích tín hiệu thông tin di động và quét mã thông tin di động;

Linh kiện, bộ phận, phụ tùng, trang thiết bị công nghệ chuyên dùng chế tạo ra: Súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này; máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh; phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; thiết bị đo nồng độ cồn trong máu; thiết bị đo, thử chất ma túy; thiết bị phân tích tín hiệu thông tin di động và quét mã thông tin di động.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8

"1. Cơ sở kinh doanh các ngành, nghề sau đây phải có phương án bảo đảm an ninh, trật tự, gồm:

a) Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa);

b) Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ;

c) Kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược);

d) Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Kinh doanh tiền chất thuốc nổ;

e) Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

g) Kinh doanh dịch vụ nổ mìn;

h) Kinh doanh dịch vụ vũ trường;

i) Kinh doanh dịch vụ lưu trú (đối với cơ sở kinh doanh là doanh nghiệp);

k) Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

"**Điều 13. Điều kiện hoạt động kinh doanh áp dụng đối với một số ngành, nghề**

Ngoài các điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định này, cơ sở kinh doanh dưới đây phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chỉ cơ sở kinh doanh thuộc Bộ Công an mới được sản xuất con dấu có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, con dấu có hình Công an hiệu, trừ các cơ sở kinh doanh đã hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực; cơ quan quản lý về nghiệp vụ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thuộc Bộ Quốc phòng mới được sản xuất con dấu có hình Quân hiệu, con dấu thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cơ sở kinh doanh thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an được kinh doanh: quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng cho Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở kinh doanh ngoài Quân đội, Công an được cơ quan có thẩm quyền của Quân đội hoặc Công an theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu mới được kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng cho Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng.

4. Chỉ cơ sở kinh doanh thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an mới được kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19

"3. Tài liệu, giấy tờ hợp lệ chứng minh việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực kinh doanh và kho bảo quản nguyên liệu, hàng hóa sau đây:

a) Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Các cơ sở kinh doanh không phải nộp tài liệu quy định tại điểm a khoản này, gồm: Sản xuất con dấu; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh; phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; thiết bị đo nồng độ cồn trong máu; kinh doanh thiết bị đo, thử chất ma túy; thiết bị phân tích tín hiệu thông tin di động và quét mã thông tin di động;

c) Đối với các cơ sở kinh doanh không có kho chứa nguyên liệu hoặc sản phẩm theo quy định thì phải có hợp đồng thuê kho bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn thì các tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy là tài liệu của kho chứa, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Trường hợp các cơ sở này có hoạt động nổ mìn theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu nổ từ cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp đến địa điểm nổ và bảo đảm thi công hết vật liệu nổ trong ngày, không lưu giữ vật liệu nổ thì không phải bố trí kho bảo quản vật liệu nổ nhưng phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc trên kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp và Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy đối với kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Cơ sở kinh doanh không phải nộp các tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại điểm a khoản này khi cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước đã được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20

"4. Đối với các cơ sở kinh doanh ngành, nghề: Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược) phải có tài liệu hợp lệ chứng minh cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

"**Điều 21. Hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được cấp đổi trong trường hợp hỏng, sai thông tin, có thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hoặc hết thời hạn sử dụng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Tài liệu hợp lệ chứng minh sự thay đổi của các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (nếu có);

c) Tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này trong trường hợp thay đổi người đứng tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh;

d) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được cấp (áp dụng đối với trường hợp cơ sở kinh doanh chỉ được cấp bản giấy).".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

"**Điều 22. Hồ sơ và thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự sau khi bị thu hồi**

Việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự sau khi bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại các điểm b, c và h khoản 1 Điều 18 Nghị định này mà cơ sở kinh doanh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này và có nhu cầu tiếp tục kinh doanh thì nộp hồ sơ đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Thủ tục cấp thực hiện theo quy định cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Điều 19 hoặc Điều 20 Nghị định này.

2. Đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 18 Nghị định này, nếu không thay đổi người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự thì sau 12 tháng kể từ ngày ra quyết định thu hồi, cơ sở kinh doanh mới được nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Thủ tục cấp thực hiện theo quy định cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Điều 19 hoặc Điều 20 Nghị định này.

3. Đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 Nghị định này, nếu không thay đổi người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự thì sau 24 tháng kể từ ngày ra quyết định thu hồi, cơ sở kinh doanh mới được nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, trừ trường hợp có quyết định khác của Tòa án.

Thủ tục cấp thực hiện theo quy định cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Điều 19 hoặc Điều 20 Nghị định này.

4. Đối với cơ sở kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại khoản 2 và 3 Điều này sau khi thay đổi người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự thì thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được thực hiện theo quy định tại Điều 19 hoặc Điều 20 Nghị định này mà không cần áp dụng thời hạn quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được cấp cho cơ sở kinh doanh để hoạt động nhiều ngành, nghề đầu tư kinh doanh hoặc nhiều công đoạn của quá trình đầu tư thuộc một ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự nhưng cơ sở kinh doanh chỉ có hành vi vi phạm thuộc một hoặc một số ngành, nghề, công đoạn của quá trình đầu tư đến mức phải thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thì sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, cơ quan Công an có thẩm quyền phải cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh đối với các ngành, nghề, công đoạn của quá trình đầu tư không vi phạm và đang hoạt động. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Cơ sở kinh doanh nộp một bộ hồ sơ cho cơ quan Công an có thẩm quyền đề nghị cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại các Điều 19, 20, 21 và 22 Nghị định này;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thời hạn hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định như sau:

a) Không quá 04 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại các Điều 19, 20 và các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này;

b) Không quá 03 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định này.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

"**Điều 24. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ và thẩm duyệt giáo trình, chương trình đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ**

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an chịu trách nhiệm:

a) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý cơ sở kinh doanh thuộc thẩm quyền của các cơ quan trung ương cấp phép thành lập, hoạt động; cơ sở kinh doanh có yếu tố nước ngoài; cơ sở kinh doanh hoạt động liên tỉnh, thành phố đối với các ngành, nghề sau:

Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này; kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ (trừ kinh doanh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ); kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh dịch vụ lưu trú được xếp hạng từ 5 sao trở lên (trừ biệt thự du lịch 5 sao, căn hộ du lịch 5 sao, tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao); kinh doanh công cụ hỗ trợ; kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino);

b) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ có yếu tố nước ngoài hoặc có chức năng đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ;

c) Chủ trì sát hạch và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ được đào tạo tại cơ sở kinh doanh có chức năng đào tạo và tự đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ; đơn vị sự nghiệp có thu trong Công an nhân dân có chức năng đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ;

d) Thẩm duyệt giáo trình và chương trình đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ cho các cơ sở có chức năng đào tạo và tự đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ.

2. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này), bao gồm:

Kinh doanh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; sản xuất con dấu; kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh quần, áo, mũ quân phục, quân hiệu, công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; kinh doanh trò chơi có thưởng (đặt cược); kinh doanh dịch vụ vũ trường; kinh doanh máy, thiết bị (bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, trang thiết bị sản xuất): phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh; phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; thiết bị đo nồng độ cồn trong máu; thiết bị phân tích tín hiệu thông tin di động và quét mã thông tin di động; thiết bị đo, thử chất ma túy; kinh doanh dịch vụ bảo vệ; đơn vị sự nghiệp có thu của các cơ quan, tổ chức cấp trung ương và cấp tỉnh hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.

Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh tiền chất thuốc nổ; kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh công cụ hỗ trợ.

Kinh doanh dịch vụ lưu trú được xếp hạng 5 sao trở lên, bao gồm: Khách sạn 5 sao, biệt thự du lịch 5 sao, căn hộ du lịch 5 sao, tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao và kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 30 phòng cho thuê lưu trú trở lên.

b) Chủ trì sát hạch và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ được đào tạo tại trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của Công an địa phương có chức năng đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ.

3. Công an cấp xã chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý các cơ sở kinh doanh (trừ các cơ sở kinh doanh quy định tại khoản 1, 2 Điều này), bao gồm:

Kinh doanh dịch vụ karaoke; kinh doanh dịch vụ xoa bóp; kinh doanh dịch vụ cầm đồ; kinh doanh dịch vụ lưu trú từ 29 phòng cho thuê lưu trú trở xuống; kinh doanh dịch vụ in; kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ; các đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự của cơ quan, tổ chức không thuộc khoản 2 Điều này.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 10, khoản 11, khoản 14 và khoản 16 Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 10 như sau:

"đ) Sơ đồ khu vực kinh doanh đối với các cơ sở kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh tiền chất thuốc nổ; kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; kinh doanh dịch vụ nổ mìn; kinh doanh công cụ hỗ trợ; kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ; kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược); kinh doanh dịch vụ lưu trú; kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; kinh doanh dịch vụ xoa bóp; kinh doanh dịch vụ cầm đồ.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"11. Phải có văn bản đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do hỏng, hết thời hạn sử dụng, sai thông tin hoặc cần thay đổi nội dung thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

"14. Đối với các cơ sở kinh doanh: Súng cầm tay, súng vác vai, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; vật liệu nổ công nghiệp; tiền chất thuốc nổ; ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn; công cụ hỗ trợ khi ngừng hoạt động kinh doanh thì phải thống kê đầy đủ số súng, đạn, vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ còn tồn đọng (nếu có) và có văn bản thông báo cho cơ quan Công an hoặc cơ quan Quân sự từ cấp tỉnh trở lên nơi cơ sở hoạt động kinh doanh để xử lý theo quy định của pháp luật.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

"16. Nộp phí sát hạch cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định của pháp luật.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

"Điều 27. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh công cụ hỗ trợ

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ sở kinh doanh công cụ hỗ trợ có trách nhiệm:

1. Bố trí kho bảo quản công cụ hỗ trợ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành nội quy quy định về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ, niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc của kho bảo quản công cụ hỗ trợ.

3. Chỉ được mua công cụ hỗ trợ, đạn, phụ kiện để sản xuất công cụ hỗ trợ có nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp và chỉ được bán công cụ hỗ trợ, đạn dùng cho công cụ hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

4. Chỉ được sửa chữa công cụ hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 32

"b) Có tài khoản định danh điện tử mức độ 02 trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 33

"**Điều 33. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược)**

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 25 Nghị định này, cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược) có trách nhiệm:

1. Ban hành nội quy (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài) quy định về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống cháy, nổ, niêm yết tại cửa ra vào khu vực kinh doanh.

2. Kiểm tra thông tin cá nhân trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc giấy tờ tùy thân của khách, ghi đầy đủ thông tin vào sổ quản lý.

3. Thống kê số lượng, chủng loại máy trò chơi điện tử có thưởng của cơ sở kinh doanh cung cấp cho cơ quan Công an có thẩm quyền, kèm theo tài liệu hợp lệ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của các máy đó.

4. Không để những người không thuộc đối tượng được phép vào chơi trò chơi điện tử có thưởng và casino tại cơ sở kinh doanh theo quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi có thưởng.

5. Thông báo ngay cho cơ quan Công an khi phát hiện người mang theo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất cháy vào khu vực kinh doanh.

6. Cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino) phải có ít nhất 30% số lượng nhân viên bảo vệ là nhân viên của cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

7. Không sử dụng nhân viên là những người đang có tiền án về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, cho vay lãi nặng.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44

"2. Kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách lưu trú, gồm một trong các loại giấy tờ sau: căn cước; căn cước công dân; hộ chiếu; thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài); các loại giấy tờ khác có giá trị chứng minh nhân thân có ảnh do các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp.

Khi khách lưu trú không có giấy tờ tùy thân thì sau khi bố trí vào phòng nghỉ phải thông báo ngay cho Công an cấp xã hoặc đồn Công an quản lý địa bàn.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 50

"**Điều 50. Kiểm tra cơ sở kinh doanh**

1. Cơ quan Công an có thẩm quyền thực hiện kiểm tra toàn diện việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự đối với cơ sở kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự định kỳ không quá một lần trong một năm hoặc đột xuất.

Việc kiểm tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện cơ sở kinh doanh có vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự; có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức hoặc cá nhân về vi phạm pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự trong cơ sở kinh doanh; phục vụ tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự theo văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ pháp lý; nội dung kinh doanh ghi trong Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp cho cơ sở kinh doanh với thực tế của cơ sở đang hoạt động;

b) Kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Nghị định này và các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

c) Kiểm tra người và phương tiện, sản phẩm kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động của cơ sở kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản (theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an) ghi rõ kết quả và tồn tại hoặc vi phạm (nếu có).

3. Thẩm quyền kiểm tra:

a) Cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và trực tiếp quản lý cơ sở kinh doanh có thẩm quyền kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất;

b) Các đơn vị nghiệp vụ thuộc Công an các cấp chỉ được tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh trên địa bàn quản lý khi phát hiện cơ sở kinh doanh có vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự cần phải xử lý ngay; có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến an ninh, trật tự trong cơ sở kinh doanh trên địa bàn do mình quản lý. Sau khi kiểm tra phải có văn bản thông báo kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có) cho cơ quan Công an đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh đó;

c) Công an các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, tăng cường bảo vệ an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn cần tiến hành kiểm tra đột xuất thì phải được thủ trưởng cơ quan Công an cấp tỉnh phê duyệt bằng văn bản hoặc có văn bản chỉ đạo của Công an cấp trên;

d) Công an cấp xã chủ động nắm tình hình, hướng dẫn hoạt động của các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý, nếu phát hiện có vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo, đề xuất Công an cấp tỉnh về việc kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

4. Các hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra phải được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.”.

Điều 16. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều

Bãi bỏ khoản 2 Điều 11, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 20, Điều 31, điểm d khoản 1 Điều 32, Điều 35, Điều 36, Điều 40, Điều 41.

Điều 17. Bãi bỏ một số từ, cụm từ

1. Bãi bỏ từ “thanh tra” tại tiêu đề Chương VI.

2. Bãi bỏ cụm từ “phí thẩm định điều kiện về an ninh, trật tự để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và” tại khoản 1 Điều 47.

Điều 18. Thay thế biểu mẫu

Thay thế Biểu mẫu số 01, 03, 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP bằng Biểu mẫu số 01, 03, 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2016/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2023/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2026/NĐ-CP (SAU ĐÂY GỌI LÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2016/NĐ-CP)

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“1. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục về con dấu theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Nghị định này cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu quy định tại Điều 12 Nghị định này theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của cơ quan đăng ký mẫu con dấu;

b) Nộp qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) (trừ các văn bản, giấy tờ không được phép đăng tải qua hệ thống mạng theo quy định của pháp luật).

2. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thông tin, văn bản, giấy tờ trong hồ sơ và thực hiện theo các quy định sau:

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, cán bộ tiếp nhận ghi giấy biên nhận hồ sơ, ghi rõ ngày tiếp nhận, ngày trả kết quả và giao ngay cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến liên hệ nộp hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi đến tài khoản của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ, cán bộ tiếp nhận ghi phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, ghi rõ giấy tờ, tài liệu cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cần phải bổ sung và giao ngay cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến liên hệ nộp hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi đến tài khoản của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này hoặc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ tiếp nhận ghi thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ và giao ngay cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến liên hệ nộp hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi đến tài khoản của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký mẫu con dấu hoàn thành việc đăng ký mẫu con dấu để trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 như sau:

“1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có trách nhiệm đăng ký mẫu con dấu đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước:”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau:

"2. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm đăng ký mẫu con dấu đối với cơ quan, tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:".

3. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

"3. Công an cấp xã có trách nhiệm đăng ký mẫu con dấu đối với cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc cấp phép hoạt động.".

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

"Điều 13. Hồ sơ đăng ký mẫu con dấu mới

1. Đối với trường hợp đăng ký dấu ướt, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu có hình Quốc huy, cơ quan có chức năng quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền;

c) Đối với tổ chức sự nghiệp: Quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Điều lệ hoạt động của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Đối với tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; văn bản quy định về tổ chức, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật; giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Đối với tổ chức tôn giáo: Quyết định công nhận tổ chức của cơ quan có thẩm quyền;

g) Đối với tổ chức trực thuộc tổ chức tôn giáo: Quyết định của tổ chức tôn giáo về việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;

h) Đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp: giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức theo quy định của pháp luật;

i) Đối với tổ chức trực thuộc doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật: Quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tổ chức phải đăng ký về lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;

k) Đối với tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao hoạt động hợp pháp tại Việt Nam: giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam;

l) Đối với tổ chức khác được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật: Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với trường hợp đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản quy định cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có chức năng cấp văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ có dán ảnh hoặc niêm phong tài liệu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với trường hợp đăng ký thêm con dấu, hồ sơ gồm:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đăng ký thêm dấu ướt: văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này); văn bản cho phép được sử dụng thêm dấu ướt của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đăng ký thêm dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi: văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

c) Đối với tổ chức kinh tế đăng ký thêm dấu ướt, dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi: văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

"**Điều 15. Hồ sơ đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu**

1. Đối với cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc thay đổi chất liệu hoặc có thay đổi thông tin trên mẫu con dấu đang sử dụng hoặc giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu bị mất hoặc giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu bị hỏng: văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Quyết định thay đổi về tổ chức, đổi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước bị mất con dấu, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) và có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan có thẩm quyền;

b) Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu được cấp trước đó (nếu có).".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20

"1. Tiếp nhận hồ sơ, đăng ký mẫu con dấu mới, đăng ký lại mẫu con dấu.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đăng ký mẫu con dấu, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính về con dấu theo thời hạn ghi trên giấy biên nhận hồ sơ của cơ quan đăng ký mẫu con dấu và thông báo mẫu con dấu cho cơ quan, tổ chức có liên quan biết trước khi sử dụng.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10 như sau:

"8. Cơ quan, tổ chức bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động hoặc con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã bị hủy giá trị sử dụng con dấu quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 18 Nghị định này phải nộp

lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan đã cấp kèm theo văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

9. Con dấu đang sử dụng bị biến dạng, mòn, hỏng hoặc có thay đổi tổ chức, đổi tên hoặc có thay đổi thông tin trên mẫu con dấu đang sử dụng thì phải thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu, nộp lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

10. Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu bị mất hoặc bị hỏng phải thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu.".

Điều 25. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 25

"c) Công an cấp xã có thẩm quyền kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu.".

Điều 26. Bãi bỏ một số điều, khoản

Bãi bỏ khoản 5 Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 17.

Điều 27. Thay thế biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 99/2016/NĐ-CP

Thay thế biểu mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 99/2016/NĐ-CP bằng biểu mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 137/2020/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHÁO ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2023/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2026/NĐ-CP

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13

"3. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ cho các tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có văn bản đề nghị ghi đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an có văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này và nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu

của người đến liên hệ. Đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng có văn bản quy định tại điểm a khoản này và nộp về Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh hoặc Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng theo thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Giấy phép vận chuyển chỉ có giá trị cho một lượt vận chuyển.".

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Trình tự, thủ tục huấn luyện

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo, huấn luyện có văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này lập thành 01 bản, đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp tỉnh; trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ; đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng thì gửi hồ sơ về Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ và tổ chức huấn luyện theo quy định hoặc có văn bản đồng ý cho phép tổ chức, doanh nghiệp tổ chức huấn luyện.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Việc tổ chức huấn luyện do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện như sau:

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình huấn luyện và ra quyết định về việc mở lớp huấn luyện báo cáo Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh;

b) Bố trí cán bộ huấn luyện bảo đảm tiêu chuẩn thực hiện huấn luyện;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh ra quyết định mở lớp huấn luyện cho các đối tượng quy định tại điểm a, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện. Đối với các đối tượng quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 1 và điểm b, c, d khoản 2 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc huấn luyện, tổ chức, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức huấn luyện, kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với các đối tượng quy định tại điểm a, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này. Tổ chức, doanh nghiệp được phép nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, báo cáo Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với các đối tượng quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 1 và điểm b, c, d khoản 2 Điều này.".

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 2 Điều 20

"k) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo bảo đảm việc quản lý, thống kê, tổng hợp về hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo và tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);".

Chương IV
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 69/2024/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10

1. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

Thay thế cụm từ "Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử" thành "Cơ quan quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02

a) Công dân đến Công an cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú, xuất trình thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước còn hiệu lực và thực hiện thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02;

b) Công dân cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trên Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử theo mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định này; trong đó cung cấp rõ số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có) và thông tin khác đề nghị tích hợp vào căn cước điện tử (nếu có nhu cầu) cho cán bộ tiếp nhận;

c) Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử để xác thực; xác thực ảnh khuôn mặt, vân tay của công dân đến làm thủ tục với Cơ sở dữ liệu căn cước;

d) Cơ quan quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin công dân đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 và thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử;

đ) Người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện cùng người đại diện hoặc người giám hộ của mình đến Công an cấp xã để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02;

Người đại diện, người giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho công dân Việt Nam là người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đối với trường hợp công dân chưa được cấp thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước thì thực hiện đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử đồng thời với việc thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.".

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của mình đăng nhập Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), cung cấp các thông tin theo hướng dẫn và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức sau khi được sự đồng ý của toàn bộ người đại diện theo pháp luật khác của cơ quan, tổ chức (nếu có).

Trường hợp nộp trực tiếp, người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền thực hiện kê khai Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử dùng cho cơ quan, tổ chức theo mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định này, nộp hồ sơ tại Công an cấp xã nơi thuận tiện. Công an cấp xã tiếp nhận và gửi yêu cầu cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức đến Cơ quan quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử.".

2. Thay thế cụm từ "Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử" thành "Cơ quan quản lý, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử" tại khoản 2, khoản 3 Điều 12.

Chương V
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 70/2024/NĐ-CP NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2026/NĐ-CP

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Công dân đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID). Việc thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói trực tiếp tại Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an và Cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh được thực hiện đồng thời khi công dân thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Trình tự, thủ tục thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu căn cước thực hiện như sau:

a) Công dân nộp hồ sơ đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu căn cước đến Công an cấp xã;

b) Hồ sơ đề nghị gồm: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước; giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin sinh trắc học về ADN của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này (nếu có);

c) Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực bảo đảm tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

d) Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này thì Công an cấp xã thông báo cho công dân bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn công dân thực hiện thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trình tự, thủ tục thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu căn cước thực hiện như sau:

a) Công dân nộp hồ sơ đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu căn cước đến Công an cấp xã;

b) Hồ sơ đề nghị gồm: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước; giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả thu nhận, phân tích, lưu trữ giọng nói của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này (nếu có); văn bản cam kết bảo đảm sức khỏe bình thường không ảnh hưởng đến giọng nói đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

c) Trường hợp thông tin sinh trắc học về giọng nói của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực bảo đảm tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

d) Trường hợp thông tin giọng nói của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này thì Công an cấp xã thực hiện trực tiếp thu thập thông tin sinh trắc học về giọng nói để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.".

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều 20

"**Điều 20. Trình tự, thủ tục tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước**

1. Công dân đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc trực tiếp đến Công an cấp xã. Việc tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước tại Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an và Cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh được thực hiện khi công dân thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

2. Trình tự, thủ tục tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước cho công dân

a) Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, công dân cung cấp thông tin cần tích hợp vào thẻ căn cước thông qua Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước;

b) Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc Công an cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ chuyển yêu cầu tích hợp đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước;

c) Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thực hiện kiểm tra, đối chiếu, xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua Cơ sở dữ liệu căn cước, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thực hiện tích hợp đối với các thông tin xác thực thành công;

d) Nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo kết quả cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước và tích hợp thông tin khi trả thẻ căn cước cho công dân.

3. Trình tự, thủ tục tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

a) Công dân lựa chọn thông tin cần tích hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; đăng ký thời gian và cơ quan quản lý căn cước thực hiện tích hợp;

b) Công dân trực tiếp đến Công an cấp xã để đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước đã có theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp tại Công an cấp xã

a) Công an cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị công dân xuất trình thẻ căn cước đã được cấp để thực hiện việc xác thực danh tính; công dân lựa chọn thông tin cần tích hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện việc tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước;

b) Trường hợp thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì Công an cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện tiếp nhận và chuyển yêu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin tới Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Sau khi xác thực thành công, cơ quan có thẩm quyền thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước.

5. Trình tự, thủ tục tích hợp thông tin vào thẻ căn cước đối với trường hợp người dưới 06 tuổi đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, công dân đề nghị cấp lại thẻ căn cước khi bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được hoặc cấp đổi thẻ căn cước do có thay đổi về địa giới hành chính thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) thực hiện như sau:

a) Công dân hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 6 tuổi lựa chọn thông tin cần tích hợp và gửi kèm hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước;

b) Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thực hiện kiểm tra, đối chiếu, xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua Cơ sở dữ liệu căn cước, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thực hiện tích hợp đối với các thông tin xác thực thành công;

c) Công an cấp xã thông báo kết quả tích hợp thông tin khi trả thẻ căn cước cho công dân;

d) Trường hợp công dân hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 06 tuổi lựa chọn nhận thẻ căn cước qua dịch vụ bưu chính thì thanh toán giá dịch vụ chuyển phát theo quy định.

6. Thủ trưởng Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an có thẩm quyền quyết định việc tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.”.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 21

“b) Trường hợp bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, công dân lựa chọn thủ tục cấp lại; trường hợp thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính công dân lựa chọn thủ tục cấp đổi. Công dân kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Căn cước;”.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“**Điều 24. Trình tự, thủ tục thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước**

1. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi người đó sinh sống để đề nghị thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tiến hành kê khai thông tin theo mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư và cung cấp các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến bản thân và gia đình (nếu có) gồm:

a) Giấy tờ, tài liệu do cơ quan của Việt Nam cấp có chứa thông tin về họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh về mối quan hệ huyết thống với người có quốc tịch hoặc đã từng có quốc tịch Việt Nam;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các bản dịch, các tài liệu, giấy tờ từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

3. Công an cấp xã tiếp nhận thông tin kê khai của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và thu nhận thông tin sinh trắc học về vân tay, mống mắt (trừ trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch là người dưới 06 tuổi), ảnh khuôn mặt.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch hoàn thành việc kê khai thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công an cấp xã phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai. Thời hạn kiểm tra, xác minh là 30 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

Cơ quan đăng ký cư trú nơi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch sinh sống có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về việc người đó đã sinh sống liên tục từ 06 tháng trở lên tại địa phương.

5. Công an cấp xã chuyển thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để kiểm tra, đối sánh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

6. Sau khi thực hiện kiểm tra, xác minh, đối sánh thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, Công an cấp xã thực hiện thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với trường hợp người đủ điều kiện; trường hợp không thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì phải trả lời và nêu rõ lý do.

7. Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày Công an cấp xã thực hiện cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an phải thực hiện xác lập số định danh cá nhân cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người đó.

8. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an gửi giấy chứng nhận căn cước đã cấp về Công an cấp xã để trả cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch.

9. Trình tự, thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:

a) Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước kê khai, nộp Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước và tài liệu chứng minh (nếu có) về Công an cấp xã nơi đang sinh sống;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, Thủ trưởng cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; trường hợp từ chối điều chỉnh thông tin thì phải trả lời, nêu rõ lý do.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 7 Điều 26

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong phạm vi cả nước không phụ thuộc vào nơi người đó sinh sống đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trả giấy chứng nhận căn cước theo địa điểm ghi trong giấy hẹn; trường hợp người cần cấp giấy chứng nhận căn cước có yêu cầu trả giấy chứng nhận căn cước tại địa điểm khác thì Công an cấp xã trả giấy chứng nhận căn cước tại địa điểm theo yêu cầu và người đó thanh toán giá hoặc phí dịch vụ chuyển phát theo quy định.”.

Chương VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 149/2024/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm b, điểm c khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở đóng trên địa bàn.

Cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thực hiện việc xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 như sau:

"b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến Công an cấp tỉnh, gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ."

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thực hiện thủ tục làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này có văn bản thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

Sau khi tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an đã làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thì thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị và Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh tiến hành kiểm tra, lập biên bản đánh giá tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và cấp Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

"b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.".

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10

"1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phải nộp văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu; số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, nước sản xuất vũ khí; thông tin về việc được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ.".

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải nộp văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ nhu cầu đào tạo, huấn luyện; thời gian, địa điểm tổ chức đào tạo, huấn luyện; danh sách người tham gia đào tạo, huấn luyện kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung, mặc trang phục theo quy định, cỡ 03 cm x 04 cm hoặc ảnh điện tử (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì văn bản đề nghị phải bổ sung họ tên, chức vụ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.".

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 18

"b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan đã cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì văn bản đề nghị phải bổ sung họ tên, chức vụ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ;".

Chương VII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 356/2025/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 42. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 17

"2a. Quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, Bộ Công an trao đổi bằng văn bản với Bộ Quốc phòng để quản lý theo thẩm quyền trong trường hợp phát hiện rủi ro, nguy cơ xâm phạm đến quốc phòng từ hoạt động chuyển dữ liệu cá nhân của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.".

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 18

1. Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh.

Bên chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an kèm theo Mẫu số 01a/01b tại Phụ lục của Nghị định này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tiến hành chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới.".

2. Sửa đổi khoản 5 như sau:

"5. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an tiếp nhận, phân loại hồ sơ và thông báo chuyển Công an cấp tỉnh để xử lý theo các tiêu chí địa bàn, quy mô, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh đánh giá và trả kết quả đối với hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới thể hiện kết quả thẩm định hồ sơ đạt, đạt cần bổ sung hoặc không đạt trong thời hạn 11 ngày làm việc.".

3. Sửa đổi khoản 6 như sau:

"6. Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, bên chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trong thời hạn 30 ngày.

Trường hợp bên chuyển dữ liệu cá nhân không thực hiện hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân theo thẩm quyền.".

Điều 44. Sửa đổi khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 19

1. Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân phải luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an kèm theo Mẫu số 02a/02b tại Phụ lục của Nghị định này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân.".

2. Sửa đổi khoản 5 như sau:

"5. Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an tiếp nhận, phân loại hồ sơ và thông báo chuyển hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân cho Công an tỉnh, thành phố để xử lý theo các tiêu chí địa bàn, quy mô, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh đánh giá và trả kết quả đối với hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân thể hiện kết quả thẩm định hồ sơ đạt, đạt cần bổ sung hoặc không đạt trong thời hạn 11 ngày làm việc.".

3. Sửa đổi khoản 6 như sau:

"6. Đối với trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc không đạt, bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân trong thời hạn 30 ngày.

Trường hợp bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân không thực hiện hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân theo thẩm quyền.".

Điều 45. Sửa đổi khoản 3 Điều 20

"3. Việc cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới được thực hiện theo Mẫu số 03a/03b tại Phụ lục của Nghị định này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh theo thẩm quyền giải quyết hồ sơ.".

Điều 46. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 25

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

"1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 04 tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Văn bản chỉ định bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc hợp đồng sử dụng dịch vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định;

c) Đề án đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân;

d) Bằng cấp và các giấy tờ chứng minh khác của nhân sự quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định này.".

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an đánh giá hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu trong thời hạn 08 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và đúng quy định, Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 11 ngày làm việc và nêu rõ lý do.".

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

"**Điều 26. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về việc cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân**

1. Cấp lại, cấp đổi khi bị mất, bị hỏng, sai thông tin hoặc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 06 tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh kèm theo.

3. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp đơn qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị theo quy định, Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân xem xét cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp từ chối cấp lại, cấp đổi phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.".

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Điều 49. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định chuyển tiếp của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP:

Đối với hồ sơ cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được tiếp nhận và đang xem xét giải quyết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

2. Quy định chuyển tiếp của Nghị định số 99/2016/NĐ-CP:

a) Cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đã được đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà mẫu con dấu vẫn phù hợp với quy định tại Nghị định này thì cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước không phải thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu;

b) Đối với hồ sơ đề nghị đăng ký mẫu con dấu mới, đăng ký lại mẫu con dấu đã được tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.

3. Quy định chuyển tiếp của Nghị định số 356/2025/NĐ-CP:

Đối với hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân, hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới, hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân đã được tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 356/2025/NĐ-CP.

Điều 50. Bãi bỏ, bổ sung một số quy định

Bãi bỏ khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 9; cụm từ "tên Điều 36, khoản 1 Điều 36" tại khoản 1 Điều 8 và khoản 4 Điều 9; cụm từ "điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 37" tại khoản 1, khoản 4 Điều 8 và khoản 4 Điều 9; cụm từ "khoản 3" trước cụm từ "khoản 4 Điều 40" tại khoản 1 Điều 8; cụm từ "khoản 6" trước cụm từ "Điều 42" tại khoản 1 Điều 8; cụm từ "điểm b khoản 3" trước cụm từ "điểm d khoản 4 Điều 41" tại khoản 4 Điều 8; cụm từ "khoản 3 Điều 40; khoản 6 Điều 42" tại khoản 4 Điều 9; cụm từ "điểm b khoản 2" trước cụm từ "khoản 3 Điều 39", cụm từ "khoản 4 Điều 40; điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 41; khoản 4 Điều 42" tại khoản 5 Điều 9; bổ sung cụm từ ", khoản 4" vào trước cụm từ "Điều 30" tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 347/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 51. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 392/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
Mẫu số 04	Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

Mẫu số 01

... (1) …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
... (2) …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____
Số: …/GCN	

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số ……../2026/NĐ-CP.

Theo văn bản:……..(3)…….…...Số: ……. cấp ngày…… tháng ……. năm …….. Cơ quan cấp:……. và kết quả thẩm định hồ sơ của cơ sở kinh doanh:…… (4) ……...……

Địa chỉ trụ sở chính:…….……

Địa điểm kinh doanh:……

Số định danh của cơ sở kinh doanh (nếu có): ……..…

Họ và tên người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (ông, bà): ……. Quốc tịch:…….……Ngày, tháng, năm sinh: …….

Chức danh trong cơ sở kinh doanh: …….……

Số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu: ……..……. cấp ngày…… tháng ……. năm …….. Cơ quan cấp: ……..……..……

Nơi thường trú: ……..…….

Nơi ở hiện tại:……..…

…… (2) ……
CHỨNG NHẬN
……(4)……

Đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh: ……

..., ngày ... tháng... năm...
... (5) …

---

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
(2) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.
(3) Tên văn bản tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số ……/2026/NĐ-CP.
(4) Tên cơ sở kinh doanh.
(5) Lãnh đạo đơn vị cấp Giấy chứng nhận (ký tên, đóng dấu).

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện về an ninh, trật tự
(Mẫu số 01)

1. Đối với văn bản giấy

a) Kích thước: Khổ giấy A4 (21 cm x 29,7 cm).

b) In một mặt, nền hoa văn màu xanh nhạt, có hình Công an hiệu in chìm ở giữa.

c) Dòng chữ tiêu đề "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự" in màu đỏ.

d) Các nội dung khác in màu đen.

2. Đối với văn bản điện tử

Kích thước: Khổ giấy A4 (21 cm x 29,7 cm).

Mẫu số 03

...(1)...
Số: .... (2).....
V/v đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: …….(3)……..

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số ……../2026/NĐ-CP.

Tên cơ sở kinh doanh:…….……;

Địa chỉ trụ sở chính:…….……

…….……..….;

Địa điểm kinh doanh:…….……

……;

Số định danh của cơ sở kinh doanh (nếu có): ……..……;

Số điện thoại liên hệ: ……..…; Website/địa chỉ thư điện tử:…….....……..;

Hoạt động đầu tư kinh doanh theo văn bản:…… (4) ……...

Do cơ quan:…….cấp ngày…..…tháng.…...năm…….....

Thời hạn hoạt động của cơ sở kinh doanh (nếu có): ……

Đề nghị …….(3)……. cấp ..... (mới/ đổi) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thuộc thẩm quyền của ……..….(Bộ Công an/Công an cấp tỉnh/Công an cấp xã)

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh:…… (5) ……..……..……;

Lý do đề nghị cấp: ……(6) …….…….

Người đứng tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (ông/bà):…….……..…….;

Sinh ngày…….tháng ……năm ……; Quốc tịch ……..…..……;

Số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu:……..……;

Cấp ngày ……tháng……năm……; Cơ quan cấp:……..……

Nơi thường trú: ……..…….……...

Nơi ở hiện tại: …….……

Chức danh trong cơ sở kinh doanh:…….……;

Các tài liệu pháp lý có liên quan:

- ……(7) …….…;

-……..…..;

-…….……...;

-……..…..;

-…….....

Chúng tôi xét thấy cơ sở kinh doanh đã đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số …../2026/NĐ-CP để làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh: ..... Đồng thời, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu, nội dung các tài liệu có trong bộ hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

Vậy đề nghị …….……(3) ……giải quyết.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
(Ký tên; đóng dấu - nếu có)

_____

(1) Tên cơ sở kinh doanh.

(2) Số, ký hiệu văn bản của cơ sở kinh doanh (nếu có).

(3) Tên cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự.

(4) Tên văn bản quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số……../2026/NĐ-CP.

(5) Ghi theo tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số……../2026/NĐ-CP).

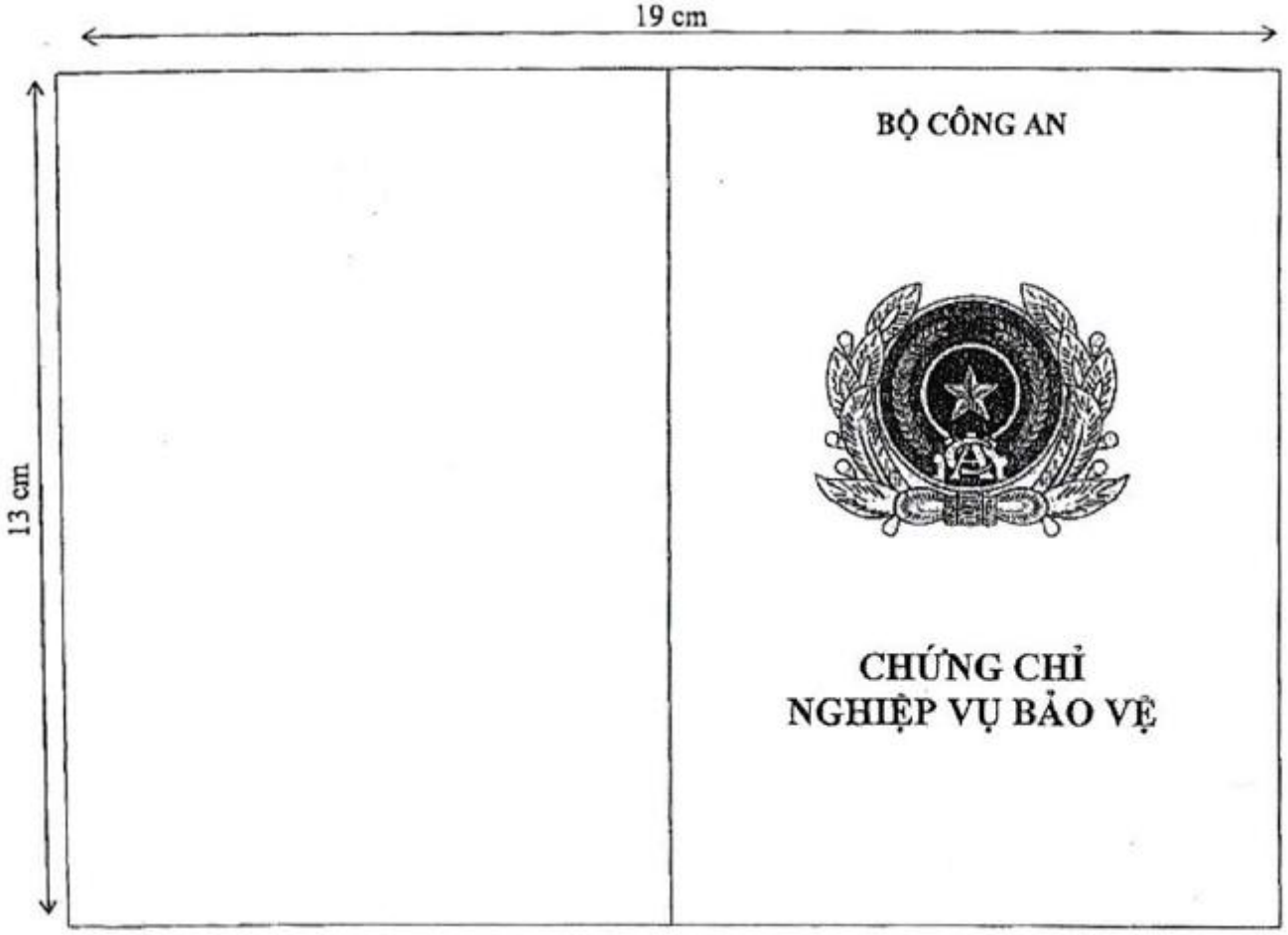
(6) Nêu rõ lý do cấp mới/cấp đổi. Trường hợp cấp đổi ghi rõ số Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đã cấp; cơ quan cấp; ngày, tháng, năm cấp.

(7) Tên văn bản, số và ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành văn bản, ngày tháng năm ban hành văn bản.

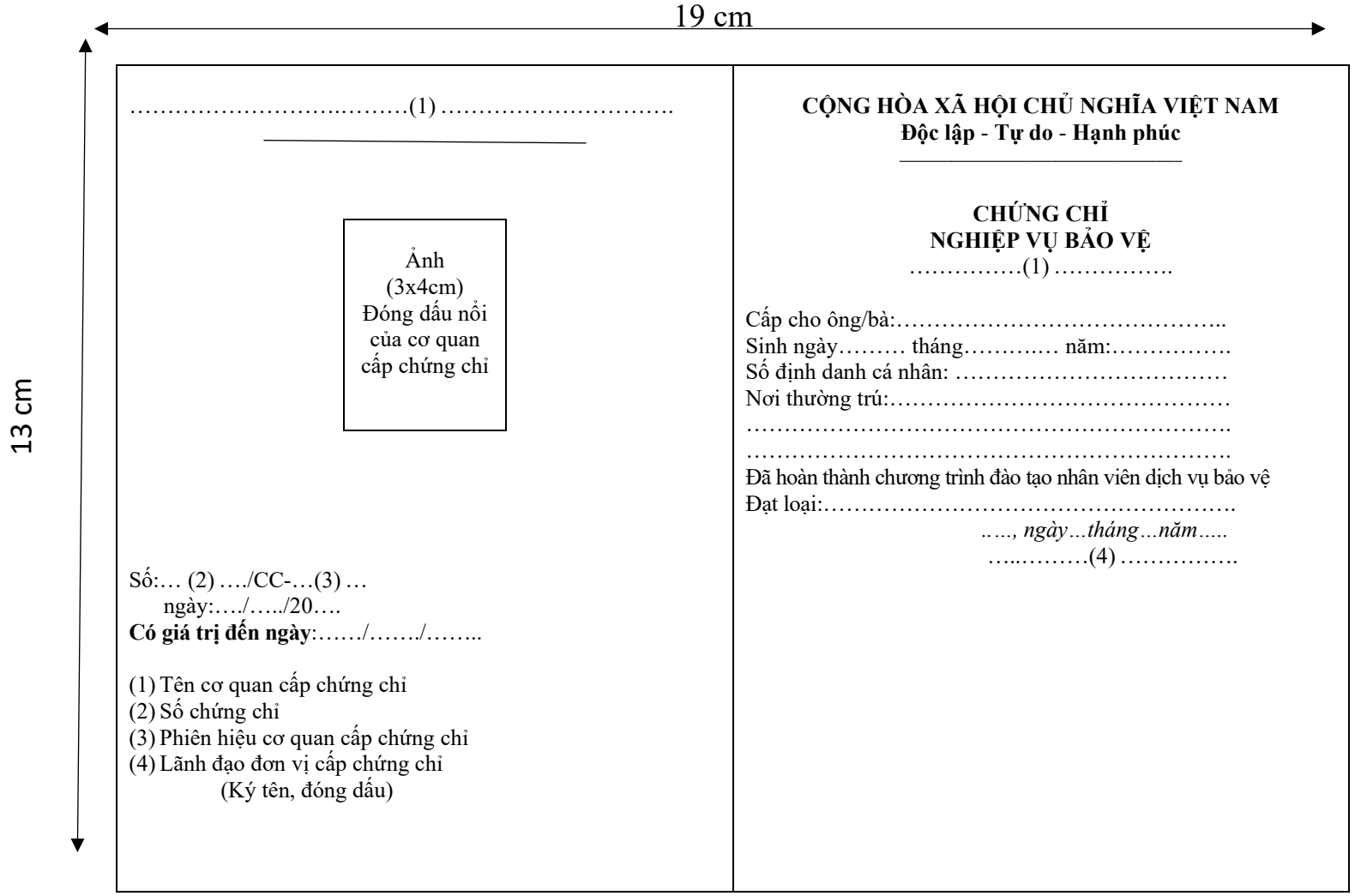
Mẫu số 04

CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ BẢO VỆ

1. Mặt trước: Nền màu xanh ngọc, chữ in màu vàng



2. Mặt sau: Nền màu xanh nhạt, có hoa văn và Công an hiệu in chìm, chữ in màu đen



Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 392/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận thu hồi con dấu
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị đăng ký về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước

Mẫu số 01

Lưu hồ sơ

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU

Số: ……/ĐKMCD ngày ….. tháng …. năm ……

……..…….(2)……
đã đăng ký lưu chiểu mẫu con dấu của ...……(4)……
……..
……..
……..……..…….
tại Quyển số: ……Tờ số: ……
Con dấu có giá trị sử dụng từ ngày…… tháng …. năm ……..…..
Số định danh của cơ quan, tổ chức (nếu có): ……

MẪU CON DẤU ĐĂNG KÝ LƯU CHIỂU

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi họ và tên)

……..….(5)……
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Mẫu số 01

….(1)…
….(2)…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/ĐKMCD

.....(3)...., ngày .... tháng ... năm .....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số …/2026/NĐ-CP.

…….(2)……..
chứng nhận mẫu con dấu dưới đây của ……..(4)……..
……
……
……
đã đăng ký, có giá trị sử dụng từ ngày …. tháng …. năm …..
Đăng ký mẫu con dấu tại Quyển số: ... Tờ số: …
Số định danh của cơ quan, tổ chức (nếu có): ……...

MẪU CON DẤU ĐĂNG KÝ

……....(5)…….
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan quản lý trực tiếp.
(2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu.
(3) Địa danh nơi ban hành giấy chứng nhận.
(4) Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu.
(5) Chức vụ của người ký giấy chứng nhận.
Văn bản giấy: In trên khổ giấy 210 mm x 297 mm (A4). In màu hồng nhạt, có hoa văn, có hình Công an hiệu ở giữa biểu mẫu.
Văn bản điện tử: In trên khổ 210 mm x 297 mm (A4).

Mẫu số 02

……(1)…..…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..(2)……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/THCD	*……(3)....., ngày ... tháng ... năm …….*

GIẤY CHỨNG NHẬN THU HỒI CON DẤU

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số …/2026/NĐ-CP;

Căn cứ .....(4).....

.....

Vào hồi ... giờ ... ngày .... tháng ... năm ..... tại .....(2).....

.....

thu hồi con dấu của: .....(5).....

Lý do thu hồi con dấu: .....

.....

Họ và tên người giao nộp con dấu: .....

Số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

MẪU CON DẤU KHI THU HỒI	**MẪU CON DẤU SAU KHI HỦY**

NGƯỜI GIAO NỘP CON DẤU	**CÁN BỘ THU HỒI CON DẤU**	……(6)……
(Ký, ghi họ và tên)	*(Ký, ghi họ và tên)*	*(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan quản lý trực tiếp.
(2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu.
(3) Địa danh nơi ban hành giấy chứng nhận.
(4) Tên văn bản có liên quan đến thu hồi con dấu (nếu có).
(5) Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước bị thu hồi con dấu.
(6) Chức vụ của người ký giấy chứng nhận.
Giấy chứng nhận được lập thành 02 bản: 01 bản giao cho người giao nộp con dấu, 01 bản lưu tại hồ sơ.

Mẫu số 03

……(1)……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……(3)……..	*……(4)….., ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị ……(5)…….	

Kính gửi: …….. (6) ……..

Thực hiện Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP, Nghị định số 58/2026/NĐ-CP và Nghị định số …/2026/NĐ-CP.

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị:

Tên cơ quan, tổ chức: ……..…;

Địa chỉ: ……..…..…..;

Số định danh của cơ quan, tổ chức: ……..……..;

Số điện thoại: ……..…..…; Website/địa chỉ thư điện tử:……...…….....

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức

Họ và tên: ……; Chức vụ:……..…..;

Ngày, tháng, năm sinh: ……..; Giới tính:……..;

Số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu: …….……; Ngày cấp: …../…../……Nơi cấp: ……;

3. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

Tên cơ quan, tổ chức: ……..…..……;

Số định danh của cơ quan, tổ chức: ……...…..…..

4. Danh sách cơ quan, tổ chức đăng ký về con dấu (đối với hồ sơ đăng ký nhiều con dấu)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Số định danh	Địa chỉ	Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp
1				
2				
3				
4				
5				

5. Nội dung đề nghị

…….. (5) ……..……

Lý do: …….……..…….

Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo, gồm:

- ……..… (7) ……..…….……;

- …….……...…..;

- ……..……...…….....;

- ……..…….……....

6. Người được giới thiệu/ủy quyền liên hệ nộp hồ sơ

Họ và tên: ……; Chức vụ:……...……...…..;

Ngày, tháng, năm sinh: ……..; Giới tính:……..;

Số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu:……..……..;

Ngày cấp: …../…../…… Nơi cấp: ……;

Số điện thoại liên hệ: …….

Chúng tôi xét thấy đã đủ điều kiện được …….(5)…….. Đồng thời, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu, nội dung các tài liệu có trong bộ hồ sơ gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

Đề nghị ..... (6) ..... giải quyết.

ĐẠI DIỆN **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** (8) *(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** *(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu nếu có)*

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu.

(3) Số ký hiệu văn bản của cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu (nếu có).

(4) Địa danh nơi ban hành văn bản

(5) Đăng ký mẫu con dấu mới hoặc đăng ký lại mẫu con dấu hoặc thu hồi con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

(6) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

(7) Tên văn bản, số và ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành văn bản, ngày tháng năm ban hành văn bản.

(8) Đối với trường hợp cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới (dấu ướt), phải có xác nhận của đại diện cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.